

**Phụ lục V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU BẾN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /BC-HĐQT

TPHCM, ngày 20 tháng 7 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**6 tháng đầu năm 2026**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty: CÔNG TY CP CAO SU BẾN THÀNH
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283 7907619 Fax: 0283 7907461 Email: berubco@berubco.com.vn
- Vốn điều lệ: 123.749.970.000 đồng
- Mã chứng khoán: BRC
- Mô hình quản trị công ty:  
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

| Stt | Số Nghị quyết /<br>Quyết định                              | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Nghị quyết ĐHĐCĐ<br>thường niên năm 2026<br>số 21/NQ-ĐHĐCĐ | 17/6/2026 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường<br>niên năm 2026 thông qua:<br>1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh<br>năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh<br>năm 2026;<br>2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị<br>năm 2025 và phương hướng năm 2026;<br>Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng<br>quản trị năm 2025;<br>3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát<br>năm 2025 và phương hướng năm 2026. |

| Stt | Số Nghị quyết / Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |      | 4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;<br>5. Phân phối lợi nhuận năm 2025;<br>6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;<br>7. Mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026;<br>8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;<br>9. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027;<br>10. Số lượng và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027. |

## II. Hội đồng quản trị (Bán niên bán niên năm 2026):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| Stt. | Thành viên HĐQT       | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                 |
|------|-----------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
|      |                       |                                                           | Ngày bổ nhiệm                                           | Ngày miễn nhiệm |
| 1.   | Nguyễn Minh Đoan      | Chủ tịch HĐQT                                             | 28/10/2024                                              | 17/06/2026      |
| 2.   | Trần Quang Hoà        | Chủ tịch HĐQT                                             | 17/06/2026                                              | Bổ nhiệm mới    |
| 3.   | Nguyễn Trần Nghiêm Vũ | Thành viên HĐQT kiêm TGD                                  | 21/04/2017                                              |                 |
| 4.   | Nguyễn Việt Hà        | Thành viên HĐQT không điều hành                           | 29/05/2020                                              |                 |
| 5.   | Nguyễn Nho Lương      | Thành viên HĐQT không điều hành                           | 20/06/2024                                              |                 |
| 6.   | Văn Trọng Long        | Thành viên HĐQT độc lập                                   | 28/06/2022                                              |                 |

### 2. Các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT       | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1.  | Nguyễn Minh Đoan      | 2/2                      | 100%              |                         |
| 2.  | Nguyễn Trần Nghiêm Vũ | 2/2                      | 100%              |                         |

|    |                  |     |      |  |
|----|------------------|-----|------|--|
| 3. | Nguyễn Việt Hà   | 2/2 | 100% |  |
| 4. | Nguyễn Nho Lương | 2/2 | 100% |  |
| 5. | Văn Trọng Long   | 2/2 | 100% |  |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định và điều lệ của công ty.

- Kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành của TGD công ty.

- Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của TGD về kết quả triển khai nhiệm vụ được giao.

- Ban điều hành công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT.

- Tổng giám đốc có chủ động trong việc xây dựng và đề xuất các vấn đề trọng tâm lên HĐQT xem xét quyết định.

- Tổng Giám đốc công ty đã hoàn thành các bảng báo cáo tài chính năm 2026 kịp thời, chính xác.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo bán niên năm 2026):

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                        | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1.  | 01/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 2.  | 02/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 3.  | 03/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 4.  | 04/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 5.  | 05/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 6.  | 06/QĐ-HĐQT                   | 14/01/2026 | Quyết định về việc điều chỉnh mức lương đối với Người quản lý Công ty                                           | 100%                  |
| 7.  | 07/NQ-HĐQT                   | 06/3/2026  | Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý IV năm 2025                                                                    | 100%                  |
| 8.  | 08/QĐ-HĐQT                   | 12/3/2026  | Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                      | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 9.  | 09/QĐ-HĐQT                   | 12/3/2026 | Quyết định phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2025 Công ty CP Cao su Bến Thành                                                                 | 100%                  |
| 10. | 10/QĐ-HĐQT                   | 12/3/2026 | Quyết định ban hành Bảng lương Ban điều hành Công ty                                                                                          | 100%                  |
| 11. | 11/QĐ-HĐQT                   | 12/3/2026 | Quyết định ban hành Bảng lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty                                                                    | 100%                  |
| 12. | 12/QĐ-HĐQT                   | 20/3/2026 | Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2026                                                                                           | 100%                  |
| 13. | 13/QĐ-HĐQT                   | 20/3/2026 | Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên năm 2026                                                          | 100%                  |
| 14. | 14/NQ-HĐQT                   | 03/4/2025 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                                                          | 100%                  |
| 15. | 15/QĐ-HĐQT                   | 03/4/2026 | Quyết định ban hành Quy định về mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty CP Cao su Bến Thành | 100%                  |
| 16. | 16/NQ-HĐQT                   | 28/4/2026 | Nghị quyết thỏa thuận chủ trương thôi cử và cử làm Người đại diện vốn Tập đoàn đối với cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty CP Cao su Bến Thành    | 100%                  |
| 17. | 17/NQ-HĐQT                   | 04/5/2026 | Nghị quyết về việc bổ sung chủ trương và ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Cao su Bến Thành với “Người có liên quan” năm 2026     | 100%                  |
| 18. | 18/NQ-HĐQT                   | 07/5/2026 | Nghị quyết về việc chọn ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                                                | 100%                  |
| 19. | 19/NQ-HĐQT                   | 27/5/2026 | Nghị quyết về công tác cán bộ                                                                                                                 | 100%                  |
| 20. | 20/NQ-HĐQT                   | 27/5/2026 | Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý I năm 2026                                                                                                   | 100%                  |
| 21. | 22/NQ-HĐQT                   | 17/6/2026 | Nghị quyết v/v bầu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022-2027                                                               | 100%                  |
| 22. | 23/QĐ-HĐQT                   | 29/6/2026 | Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2026                                                                                             | 100%                  |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo bán niên năm 2026):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| Stt | Thành viên BKS       | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không<br>còn là thành viên<br>BKS | Trình độ chuyên<br>môn |
|-----|----------------------|------------|------------------------------------------------|------------------------|
| 1.  | Nguyễn Quốc Vương    | Trưởng BKS | 28/10/2024                                     | Cử nhân Tài chính      |
| 2.  | Lương Thị Ánh Nguyệt | TV.BKS     | 21/04/2017                                     | Cử nhân Kế toán        |
| 3.  | Trần Nguyễn Huy Hùng | TV.BKS     | 01/04/2019                                     | Cử nhân Kế toán        |

## 2. Cuộc họp của BKS

| Stt | Thành viên BKS       | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Nguyễn Quốc Vương    | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Lương Thị Ánh Nguyệt | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Trần Nguyễn Huy Hùng | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ điều lệ của Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra giám sát theo kế hoạch đã đề ra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty, phản ánh những kết quả đã đạt được cũng như những nội dung cần lưu ý, khắc phục và hoàn thiện trong hoạt động và công tác quản trị của Công ty, các báo cáo của BKS đều được gửi đến HĐQT và Ban tổng giám đốc Công ty.

- Thực hiện xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty để góp phần hạn chế các sai sót trong khâu tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập BCTC, tuân thủ yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

BKS luôn được HĐQT, BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng của BTGD và các bộ phận liên quan, đã tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, hoạt động tài chính, chính sách bán hàng và thu hồi công nợ... phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

5. Hoạt động khác của BKS: không có.

## IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn     | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|
| 1.  | Nguyễn Trần Nghiêm Vũ    | 08/12/1967          | Kỹ sư Thiết kế máy      | 01/11/2016                                         |
| 2.  | Huỳnh Anh Tuấn           | 02/10/1974          | Cử nhân QTKD            | 01/07/2020                                         |
| 3.  | Huỳnh Văn Thê            | 22/12/1977          | Kỹ sư Công nghệ hoá học | 01/10/2024                                         |

## **V. Kế toán trưởng**

| Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Dương Hoài Trinh | 30/12/1980          | Cử nhân Kế toán               | 28/10/2024                |

## **VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: không có

## **VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo bán niên năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: *(kèm theo)*

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do             | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ |
|------|-----------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|
| 1    | Trần Quang Hoà        |                                          | CT HĐQT                      |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           | Bầu chủ tịch HĐQT |                                        |
| 1.01 | Lê Thị Khôi           |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Mẹ vợ                                  |
| 1.02 | Nguyễn Thị Ái Nghĩa   |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Vợ                                     |
| 1.03 | Trần Vinh Quang       |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Con đầu (sinh đôi)                     |
| 1.04 | Trần Quang Vinh       |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Con đầu (sinh đôi)                     |
| 1.05 | Trần Tuấn Kiệt        |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Con thứ                                |
| 1.06 | Trần Nguyễn Quang Huy |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Anh ruột                               |
| 1.07 | Nguyễn Thị Hường      |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Chị dâu                                |
| 1.08 | Trần Thị Kim Hoàng    |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Chị ruột                               |
| 1.09 | Trần Quang Hân        |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Anh ruột                               |
| 1.10 | Tạ Thị Ngọc Hân       |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Chị dâu                                |
| 1.11 | Trần Quang Hoan       |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Anh ruột                               |
| 1.12 | Nguyễn Thị Út         |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Chị dâu                                |
| 1.13 | Trần Thị Diệu Hiền    |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |                   | Em ruột                                |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do      | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                                               |
|------|-------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.14 | Lương Xuân Tùng                           |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Em rể                                                                                |
| 1.15 | Trần Bùi Quang Thanh                      |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Ba ruột (đã mất)                                                                     |
| 1.16 | Nguyễn Thị Đào                            |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Mẹ ruột (đã mất)                                                                     |
| 1.17 | Nguyễn Sáu                                |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Ba vợ (đã mất)                                                                       |
| 1.18 | Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Ông Trần Quang Hoà - Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn |
| 1.19 | Công Ty CP VRG – Bảo Lộc                  |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Ông Trần Quang Hoà - Đại diện phần vốn của Công Ty CP VRG – Bảo Lộc                  |
| 1.2  | TĐ Công nghiệp Cao su VN                  |                                          |                              |               |                   |         |                                       | 17/6/2026                                           |                                           |            | Ông Trần Quang Hoà - Đại diện phần vốn của TĐ Công nghiệp Cao su VN                  |
| 2    | Nguyễn Minh Đoan                          |                                          | CT HĐQT                      |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 | Miễn nhiệm |                                                                                      |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                              |
|------|--------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------|
| 2.01 | Huỳnh Thị Từ Ái          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Vợ                                                                  |
| 2.02 | Nguyễn Huỳnh Minh Nhựt   |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Con ruột                                                            |
| 2.03 | Nguyễn Huỳnh Minh Quân   |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Con ruột                                                            |
| 2.04 | Nguyễn Minh Khang        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Anh ruột                                                            |
| 2.05 | Nguyễn Thị Mĩ Khanh      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Chị ruột                                                            |
| 2.06 | Nguyễn Thị Mai Thảo      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Em ruột                                                             |
| 2.07 | Nguyễn Thị Ngọc Đán      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Em ruột                                                             |
| 2.08 | Nguyễn Thị Mĩ Trang      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Em ruột                                                             |
| 2.09 | Nguyễn Minh Đài          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Em ruột                                                             |
| 2.10 | TĐ Công nghiệp Cao su VN |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     | 17/6/2026                                 |       | Ông Nguyễn Minh Đuan-Đại diện phần vốn của TĐ Công nghiệp Cao su VN |
| 3    | Nguyễn Trần Nghiêm Vũ    |                                          | TV HĐQT-TGD                  |               |                   |         |                                       | 01/01/2020                                          |                                           |       |                                                                     |
| 3.01 | Trần Thị Duyên           |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ                                                                  |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                                |
|------|--------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------|
| 3.02 | Nguyễn Ngọc Lan          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                                    |
| 3.03 | Nguyễn Gia Phong         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con                                                                   |
| 3.04 | Nguyễn Thị Cao Tâm       |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con dâu                                                               |
| 3.05 | Nguyễn Trần Linh         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị                                                                   |
| 3.06 | Nguyễn Trần Luật         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh                                                                   |
| 3.07 | Nguyễn Kim Thiên         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                                                |
| 3.08 | Nguyễn Thị Trần Khánh    |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị                                                                   |
| 3.09 | Nguyễn Trọng Khôi        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                                                |
| 3.10 | Nguyễn Thị Minh Yến      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị dâu                                                               |
| 3.11 | Nguyễn Doãn Song         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Ba vợ                                                                 |
| 3.12 | Nguyễn Ngọc Mai          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                                                 |
| 3.13 | TĐ Công nghiệp Cao su VN |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Đại diện vốn của TĐ Công nghiệp Cao su VN |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                                                             |
|------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.14 | Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – TV HĐQT không điều hành của Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO |
| 4    | <b>Văn Trọng Long</b>                      |                                          | <b>TV HĐQT Độc lập</b>       |               |                   |         |                                       | 28/06/2022                                          |                                           |       |                                                                                                    |
| 4.01 | Nguyễn Xuân Lý                             |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                                                                 |
| 4.02 | Văn Nguyễn Duy Anh                         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con                                                                                                |
| 4.03 | Văn Nguyễn Việt Anh                        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con                                                                                                |
| 4.04 | Đặng Thị Cúc                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ                                                                                                 |
| 4.05 | Văn Thị Lan                                |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị                                                                                                |
| 4.06 | Văn Thị Huệ                                |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị                                                                                                |
| 4.07 | Lê Văn Quả                                 |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                                                                             |
| 4.08 | Nguyễn Quang Trương                        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                                                                             |
| 4.09 | Vũ Thị Hiên                                |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em dâu                                                                                             |
| 4.10 | Trần Thị Côn                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                                                                              |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                        |
|------|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------|
| 5    | Nguyễn Việt Hà          |                                          | TV HĐQT không điều hành      |               |                   |         |                                       | 29/05/2020                                          |                                           |       |                                                               |
| 5.01 | Nguyễn Văn Mới          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha ruột                                                      |
| 5.02 | Đỗ Phương Trâm          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                            |
| 5.03 | Nguyễn Đỗ Khiết Tâm     |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                      |
| 5.04 | Nguyễn Việt Sơn         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                                       |
| 5.05 | Đỗ Quý Mùi              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha vợ                                                        |
| 5.06 | Huỳnh Hồng Diệp         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                                         |
| 5.07 | Nguyễn Thị Bé Thi       |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em dâu                                                        |
| 5.08 | TCT Công nghiệp Sài Gòn |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Ông Nguyễn Việt Hà – Đại diện vốn của TCT Công nghiệp Sài Gòn |
| 6    | Nguyễn Nho Lương        |                                          | TV HĐQT không điều hành      |               |                   |         |                                       | 20/06/2024                                          |                                           |       |                                                               |
| 6.01 | Nguyễn Quốc Khánh       |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bố đẻ                                                         |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                               |
|------|------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------|
| 6.02 | Nguyễn Thị Phú               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ đẻ                                                                |
| 6.03 | Nguyễn Minh Nguyễn           |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                                   |
| 6.04 | Nguyễn Phúc Minh             |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                             |
| 6.05 | Nguyễn Minh Khuê             |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                             |
| 6.06 | Nguyễn Xuân Lam              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                                              |
| 6.07 | Nguyễn Thị Ly                |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                                              |
| 6.08 | Nguyễn Văn Chúc              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bố vợ                                                                |
| 6.09 | Lữ Thị Bé                    |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                                                |
| 6.10 | Nguyễn Thị Vân               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em dâu                                                               |
| 6.11 | Lê Đình Cường                |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em rể                                                                |
| 6.12 | Cty CP Xi măng Vicem Hà Tiên |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Ông Nguyễn Nho Lương – Đại diện vốn của Cty CP Xi măng Vicem Hà Tiên |
| 7    | Huỳnh Anh Tuấn               |                                          | PTGD                         |               |                   |         |                                       | 01/07/2020                                          |                                           |       |                                                                      |
| 7.01 | Huỳnh Bình                   |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha ruột                                                             |

| STT      | Tên tổ chức/cá nhân  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)     | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ |
|----------|----------------------|------------------------------------------|----------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------|
| 7.02     | Đỗ Thị Xuân Thu      |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ ruột                                |
| 7.03     | Võ Thị Kiều Oanh     |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                     |
| 7.04     | Huỳnh Công Thành     |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 7.05     | Huỳnh Công Thạnh     |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 7.06     | Huỳnh Ngọc Mai       |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 7.07     | Huỳnh Xuân Thảo      |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |
| 7.08     | Huỳnh Lê Nhân        |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                 |
| <b>8</b> | <b>Huỳnh Văn Thử</b> |                                          | <b>Phó Tổng Giám đốc Công ty</b> |               |                   |         |                                       | <b>01/10/2024</b>                                   |                                           |       |                                        |
| 8.01     | Thái Thị Phương Ngân |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                     |
| 8.02     | Huỳnh Thái Bảo       |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 8.03     | Huỳnh Văn Song       |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh ruột                               |
| 8.04     | Huỳnh Thị Thu        |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |
| 8.05     | Huỳnh Văn Xếp        |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh ruột                               |
| 8.06     | Huỳnh Thị Ly         |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |
| 8.07     | Huỳnh Thị The        |                                          |                                  |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |

| STT      | Tên tổ chức/cá nhân     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*,       | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ |
|----------|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------|
| 8.08     | Huỳnh Thị Hoa           |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                |
| 8.09     | Nguyễn Thị Phước        |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị dâu                                |
| 8.10     | Trần Văn Ty             |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                 |
| 8.11     | Đinh Thị Thanh Phương   |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị dâu                                |
| 8.12     | Nguyễn Văn Nhẹ          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                 |
| 8.13     | Võ Văn Luận             |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                 |
| 8.14     | Thái Giãn Long          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha vợ                                 |
| 8.15     | Phan Thị Phước          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                  |
| <b>9</b> | <b>Dương Hoài Trinh</b> |                                          | <b>Kế Toán Trưởng</b>        | <b>082180001408</b> |                   |         |                                       | <b>28/10/2024</b>                                   |                                           |       |                                        |
| 9.01     | Dương Văn Hoài          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha ruột                               |
| 9.02     | Phùng Thị Bảy           |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ ruột                                |
| 9.03     | Dương Hoài Hương        |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |
| 9.04     | Phạm Đăng Khoa          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                 |
| 9.05     | Dương Hoài Bảo          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                |
| 9.06     | Nguyễn Khải Ca          |                                          |                              |                     |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |

| STT       | Tên tổ chức/cá nhân                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                                               |
|-----------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.07      | Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bà Dương Hoài Trinh– TV Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO |
| <b>10</b> | <b>Nguyễn Quốc Vương</b>                   |                                          | <b>Trưởng BKS</b>            |               |                   |         |                                       | <b>28/10/2024</b>                                   |                                           |       |                                                                                      |
| 10.01     | Nguyễn Tuyên Huân                          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bố đẻ                                                                                |
| 10.02     | Võ Thị Thanh                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ đẻ                                                                                |
| 10.03     | Nguyễn Thị Thu Hiền                        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                                                                             |
| 10.04     | Phạm Duy Nhật                              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh rể                                                                               |
| 10.05     | Lê Văn An                                  |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bố vợ                                                                                |
| 10.06     | Nguyễn Thị Sơn                             |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                                                                |
| 10.07     | Lê Thị Tường Vi                            |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                                                   |
| 10.08     | Nguyễn Quốc Cường                          |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                                             |
| <b>11</b> | <b>Lương Thị Ánh Nguyệt</b>                |                                          | <b>TV BKS</b>                |               |                   |         |                                       | <b>01/01/2020</b>                                   |                                           |       |                                                                                      |
| 11.01     | Nguyễn Đức Cường                           |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chồng                                                                                |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ                                         |
|-------|----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 11.02 | Nguyễn Đức Hoàng Long                        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                                       |
| 11.03 | Nguyễn Đức Hoàng Phúc                        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                                                                       |
| 11.04 | Lương Chí Vinh                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha ruột                                                                       |
| 11.05 | Lê Thị Lệ Hằng                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ ruột                                                                        |
| 11.06 | Lương Thị Nguyệt Ánh                         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                                                        |
| 11.07 | Lương Ánh Dương                              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                                                        |
| 11.08 | Ngô Thị Thùy Linh                            |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em dâu                                                                         |
| 11.09 | Mai Lê Ngọc Vinh                             |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em rể                                                                          |
| 11.10 | Lê Ngọc Ân                                   |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Cha chồng                                                                      |
| 11.11 | Lê Thị Lệ Liễu                               |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ chồng                                                                       |
| 11.12 | CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Bà Lương Thị Ánh Nguyệt – TV HĐQT không điều hành của Công ty Cổ phần Hữu Nghị |
| 12    | <b>Trần Nguyễn Huy Hùng</b>                  |                                          | <b>TV BKS</b>                |               |                   |         |                                       | <b>01/01/2020</b>                                   |                                           |       |                                                                                |
| 12.01 | Nguyễn Trúc Anh                              |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Vợ                                                                             |

| STT       | Tên tổ chức/cá nhân    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với người nội bộ |
|-----------|------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------|
| 12.02     | Trần Nguyễn Trúc Quỳnh |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 12.03     | Trần Hùng Minh         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con ruột                               |
| 12.04     | Phạm Thị Ngọc Mai      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ vợ                                  |
| <b>13</b> | <b>Nguyễn Thị Thao</b> |                                          | <b>Người phụ trách QTCT</b>  |               |                   |         |                                       | <b>01/01/2020</b>                                   |                                           |       |                                        |
| 13.01     | Nguyễn Thị Cung        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ ruột                                |
| 13.02     | Lương Quốc Hoàn        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chồng                                  |
| 13.03     | Lương Nguyễn Anh Minh  |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con                                    |
| 13.04     | Lương Nguyễn Anh Châu  |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Con                                    |
| 13.05     | Nguyễn Văn Chúc        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Anh                                    |
| 13.06     | Trần Thị Thu Thảo      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị dâu                                |
| 13.07     | Nguyễn Thị Hiên        |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Chị ruột                               |
| 13.08     | Nguyễn Thị Yến         |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Em ruột                                |
| 13.09     | Trần Thị Thu Hồng      |                                          |                              |               |                   |         |                                       |                                                     |                                           |       | Mẹ chồng                               |

*Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| STT         | Tên tổ chức/cá nhân                  | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ                                     | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (Đã bao gồm thuế GTGT) | Ghi chú |
|-------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| 1           | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | Cổ đông lớn                       | 0301266564                      | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hoà, TP.HCM                               | Năm 2026                        | 608/NQ-HĐQT ngày 14/11/2025                            | Mua hàng hoá 15.851.105.550 đồng                                  |         |
| 1.01        | Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị      | Tổ chức có liên quan              | 3200228141                      | Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam            | Năm 2026                        | 608/NQ-HĐQT ngày 14/11/2025                            | Bán hàng hoá và dịch vụ 16.200.000 đồng                           |         |
| 1.02        | Công ty CP Cơ Khí Cao Su             | Tổ chức có liên quan              | 0300693348                      | 12 Đường HT 25, Phường Tân Thới Hiệp, TP Hồ Chí Minh,.                       | Năm 2026                        | 17/NQ-HĐQT ngày 04/05/2026                             | Bán hàng hoá và dịch vụ 88.446.600 đồng                           |         |
| 2           | Công ty TNHH CNS AMURA PRECISION     | Tổ chức có liên quan              | 0311978881                      | Lô I-10-1, Đường D2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP Hồ Chí Minh | Năm 2026                        | 17/NQ-HĐQT ngày 04/05/2026                             | Bán hàng hoá và dịch vụ 38.745.000 đồng                           |         |
| 3           | Cty CP Xi măng Vicem Hà Tiên         | Cổ đông lớn                       | 0301446422                      | 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh                        | Năm 2026                        | 608/NQ-HĐQT ngày 14/11/2025                            | Bán hàng hoá và dịch vụ 9.069.179.580 đồng                        |         |
| <b>Cộng</b> |                                      |                                   |                                 |                                                                              |                                 |                                                        | <b>25.063.676.730</b>                                             |         |

*(Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm ba mươi đồng)*

*Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác.

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: không có.

#### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty (đính kèm)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có**

#### **Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Hose;
- Lưu: VT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Quang Hoà**



## DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT  | Họ tên                | Tài khoản giao dịch chung (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số giấy NSH (*) | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú                                                                                    |
|------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------|-------------------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | <b>Trần Quang Hoà</b> |                                    | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         |                 |                   |         |                 |                            |                               | <b>Đại diện vốn 33,85% tương ứng 4.189.408 cổ phiếu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN</b> |
| 1.01 | Lê Thị khôi           |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.02 | Nguyễn Thị Ái Nghĩa   |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.03 | Trần Vinh Quang       |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.04 | Trần Quang Vinh       |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.05 | Trần Tuấn Kiệt        |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.06 | Trần Nguyễn Quang Huy |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.07 | Nguyễn Thị Hường      |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.08 | Trần Thị Kim Hoàng    |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |
| 1.09 | Trần Quang Hân        |                                    |                              |                 |                   |         |                 |                            |                               |                                                                                            |

| STT  | Họ tên                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                     |
|------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1.10 | Tạ Thị Ngọc<br>Hân                            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                             |
| 1.11 | Trần Quang<br>Hoan                            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                             |
| 1.12 | Nguyễn Thị<br>Út                              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                             |
| 1.13 | Trần Thị<br>Diệu Hiền                         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                             |
| 1.14 | Lương Xuân<br>Tùng                            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                             |
| 1.15 | Trần Bùi<br>Quang Thanh                       |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | Đã mất                                      |
| 1.16 | Nguyễn Thị<br>Đào                             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | Đã mất                                      |
| 1.17 | Nguyễn Sáu                                    |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | Đã mất                                      |
| 1.18 | Công ty CP<br>Thủy điện<br>Geruco Sông<br>Côn |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | Công ty liên quan tới<br>Ông Trần Quang Hoà |
| 1.19 | Công ty CP<br>VRG – Bảo<br>Lộc                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | Công ty liên quan tới<br>Ông Trần Quang Hoà |
| 1.20 | TĐ<br>Công nghiệp<br>Cao su VN                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 6.054.658                           | 48,85%                                 | CĐ chiến lược                               |

| STT  | Họ tên                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú           |
|------|--------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 2    | <b>Nguyễn<br/>Minh Đoan</b>    |                                                      | <b>Chủ tịch<br/>HĐQT</b>              |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | <b>Miễn nhiệm</b> |
| 2.01 | Huỳnh Thị<br>Từ Ái             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.02 | Nguyễn<br>Huỳnh Minh<br>Nhật   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.03 | Nguyễn<br>Huỳnh Minh<br>Quân   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.04 | Nguyễn<br>Minh Khang           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.05 | Nguyễn Thị<br>Mĩ Khanh         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.06 | Nguyễn Thị<br>Mai Thảo         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.07 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Đán         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.08 | Nguyễn Thị<br>Mĩ Trang         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.09 | Nguyễn<br>Minh Đài             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                   |
| 2.10 | TĐ<br>Công nghiệp<br>Cao su VN |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 6.054.658                           | 48,85%                                 | CĐ<br>chiến lược  |

| STT  | Họ tên                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                                                                                 |
|------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3    | <b>Nguyễn<br/>Trần<br/>Nghiêm Vũ</b> |                                                      | <b>TV<br/>HDQT -<br/>TGD</b>          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | <b>Đại diện vốn 15%<br/>tương ứng 1.856.250<br/>cổ phiếu của Tập đoàn<br/>Công nghiệp<br/>Cao su VN</b> |
| 3.01 | Trần Thị<br>Duyên                    |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.02 | Nguyễn<br>Ngọc Lan                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.03 | Nguyễn Gia<br>Phong                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.04 | Nguyễn Thị<br>Cao Tâm                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.05 | Nguyễn<br>Trần Linh                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.06 | Nguyễn<br>Trần Luật                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.07 | Nguyễn Kim<br>Thiên                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.08 | Nguyễn Thị<br>Trần Khánh             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.09 | Nguyễn<br>Trọng Khôi                 |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.10 | Nguyễn Thị<br>Minh Yến               |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |
| 3.11 | Nguyễn<br>Doãn Song                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                         |

| STT      | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                               |
|----------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 3.12     | Nguyễn<br>Ngọc Mai                                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 3.13     | TĐ<br>Công nghiệp<br>Cao su VN                      |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 6.054.658                           | 48.85%                                 | CĐ<br>chiến lược                                      |
| 3.14     | Công ty Cổ<br>phần Chỉ sợi<br>Cao su V.R.G<br>SA DO |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 0                                   | 0%                                     | Công ty liên quan tới<br>Ông Nguyễn Trần<br>Nghiem Vũ |
| <b>4</b> | <b>Văn Trọng<br/>Long</b>                           |                                                      | <b>TV<br/>HDQT<br/>Độc lập</b>        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | <b>Thành viên độc lập</b>                             |
| 4.01     | Nguyễn<br>Xuân Lý                                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.02     | Văn Nguyễn<br>Duy Anh                               |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.03     | Văn Nguyễn<br>Việt Anh                              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.04     | Đặng Thị<br>Cúc                                     |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.05     | Văn Thị Lan                                         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.06     | Văn Thị Huệ                                         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.07     | Lê Văn Quả                                          |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.08     | Nguyễn<br>Quang Trương                              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |
| 4.09     | Vũ Thị Hiên                                         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                       |

| STT  | Họ tên                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)  | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                                                                                      |
|------|-------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.10 | Trần Thị Côn                  |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5    | <b>Nguyễn<br/>Việt Hà</b>     |                                                      | <b>TV HĐQT<br/>không<br/>điều hành</b> |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | <b>Đại diện vốn 19,86%<br/>tương ứng 2.457.578<br/>cổ phiếu của TCT<br/>Công nghiệp SG</b>                   |
| 5.01 | Nguyễn Văn<br>Mới             |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.02 | Đỗ<br>Phương Trâm             |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.03 | Nguyễn Đỗ<br>Khiết Tâm        |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.04 | Nguyễn Việt<br>Sơn            |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.05 | Đỗ Quý Mùi                    |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.06 | Huỳnh Hồng<br>Diệp            |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.07 | Nguyễn Thị<br>Bé Thi          |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                                                                              |
| 5.08 | TCT<br>Công nghiệp<br>Sài Gòn |                                                      |                                        |                    |                      |         |                 | 2.457.578                           | 19,86%                                 | CD<br>Nhà nước                                                                                               |
| 6    | <b>Nguyễn<br/>Nho Lương</b>   |                                                      | <b>TV HĐQT<br/>không<br/>điều hành</b> |                    |                      |         |                 |                                     |                                        | <b>Đại diện vốn 18,67%<br/>tương ứng 2.310.000 cổ<br/>phiếu của Công ty CP<br/>Xi măng Vicem Hà<br/>Tiên</b> |

| STT  | Họ tên                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú   |
|------|------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-----------|
| 6.01 | Nguyễn<br>Quốc Khánh               |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.02 | Nguyễn Thị<br>Phú                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.03 | Nguyễn Minh<br>Nguyễn              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.04 | Nguyễn<br>Phúc Minh                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.05 | Nguyễn<br>Minh Khuê                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.06 | Nguyễn<br>Xuân Lam                 |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.07 | Nguyễn Thị<br>Ly                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.08 | Nguyễn Văn<br>Chức                 |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.09 | Lữ Thị Bé                          |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.10 | Nguyễn Thị<br>Vân                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.11 | Lê Đình<br>Cường                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |
| 6.12 | Cty CP Xi<br>măng Vicem<br>Hà Tiên |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 2.310.000                           | 18,67%                                 | CĐ<br>lớn |
| 7    | <b>Huỳnh Anh<br/>Tuấn</b>          |                                                      | <b>Phó Tổng<br/>giám đốc</b>          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |           |

| STT      | Họ tên                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)    | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|----------|--------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 7.01     | Huỳnh Bình               |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.02     | Đỗ Thị<br>Xuân Thu       |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.03     | Võ Thị Kiều<br>Oanh      |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.04     | Huỳnh Công<br>Thành      |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.05     | Huỳnh Công<br>Thạnh      |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.06     | Huỳnh Ngọc<br>Mai        |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.07     | Huỳnh Xuân<br>Thảo       |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 7.08     | Huỳnh Lê<br>Nhân         |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| <b>8</b> | <b>Huỳnh Văn<br/>Thế</b> |                                                      | <b>Phó Tổng<br/>Giám đốc<br/>Công ty</b> |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.01     | Thái Thị<br>Phương Ngân  |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.02     | Huỳnh Thái<br>Bảo        |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.03     | Huỳnh Văn<br>Song        |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.04     | Huỳnh Thị<br>Thu         |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.05     | Huỳnh Văn<br>Xếp         |                                                      |                                          |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |

| STT      | Họ tên                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|----------|-----------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 8.06     | Huỳnh Thị<br>Ly             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.07     | Huỳnh Thị<br>The            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.08     | Huỳnh Thị<br>Hoa            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.09     | Nguyễn Thị<br>Phước         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.10     | Trần Văn Ty                 |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.11     | Đinh Thị<br>Thanh<br>Phương |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.12     | Nguyễn Văn<br>Nhẹ           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.13     | Võ Văn<br>Luận              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.14     | Thái Giân<br>Long           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 8.15     | Phan Thị<br>Phước           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| <b>9</b> | <b>Dương Hoài<br/>Trình</b> |                                                      | <b>Kế Toán<br/>Trưởng</b>             |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 9.01     | Dương Văn<br>Hoài           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 9.02     | Phùng Thị<br>Bảy            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 9.03     | Dương Hoài<br>Hương         |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |

| STT   | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                      |
|-------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|
| 9.04  | Phạm Đăng Khoa                                      |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 9.05  | Dương Hoài Bảo                                      |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 9.06  | Nguyễn Khải Ca                                      |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 9.07  | Công ty Cổ<br>phần Chỉ sợi<br>Cao su V.R.G<br>SA DO |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 | 0                                   | 0%                                     | Công ty liên quan tới Bà<br>Dương Hoài Trinh |
| 10    | <b>Nguyễn<br/>Quốc<br/>Vương</b>                    |                                                      | <b>Trưởng<br/>BKS</b>                 |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.01 | Nguyễn<br>Tuyên Huân                                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.02 | Võ Thị<br>Thanh                                     |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.03 | Nguyễn Thị<br>Thu Hiền                              |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.04 | Phạm Duy<br>Nhật                                    |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.05 | Lê Văn An                                           |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.06 | Nguyễn Thị<br>Sơn                                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.07 | Lê Thị<br>Tường Vi                                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |
| 10.08 | Nguyễn<br>Quốc Cường                                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                              |

| STT       | Họ tên                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| <b>11</b> | <b>Trần<br/>Nguyễn<br/>Huy Hùng</b> |                                                      | <b>TV BKS</b>                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 11.01     | Nguyễn<br>Trúc Anh                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 11.02     | Trần<br>Nguyễn<br>Trúc Quỳnh        |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 11.03     | Trần Hùng<br>Minh                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 11.04     | Phạm Thị<br>Ngọc Mai                |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| <b>12</b> | <b>Lương Thị<br/>Ánh Nguyệt</b>     |                                                      | <b>TV BKS</b>                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.01     | Nguyễn Đức<br>Cường                 |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.02     | Nguyễn Đức<br>Hoàng Long            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.03     | Nguyễn Đức<br>Hoàng Phúc            |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.04     | Lương Chí<br>Vinh                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.05     | Lê Thị Lệ<br>Hằng                   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.06     | Lương Thị<br>Nguyệt Ánh             |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 12.07     | Lương Ánh<br>Dương                  |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |

| STT       | Họ tên                                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)   | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                             |
|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 12.08     | Ngô Thị<br>Thùy Linh                                        |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 12.09     | Mai Lê<br>Ngọc Vinh                                         |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 12.10     | Lê Ngọc Ân                                                  |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 12.11     | Lê Thị Lệ<br>Liều                                           |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 12.12     | CÔNG TY<br>CP CÔNG<br>NGHIỆP -<br>THƯƠNG<br>MẠI HỮU<br>NGHỊ |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 | 0                                   | 0%                                     | Công ty liên quan tới<br>Bà Lương Thị Ánh<br>Nguyệt |
| <b>13</b> | <b>Nguyễn Thị<br/>Thao</b>                                  |                                                      | <b>Người<br/>phụ<br/>trách<br/>QTCT</b> |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 13.01     | Nguyễn Thị<br>Cung                                          |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 13.02     | Lương Quốc<br>Hoàn                                          |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 13.03     | Lương<br>Nguyễn Anh<br>Minh                                 |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |
| 13.04     | Lương<br>Nguyễn Anh<br>Châu                                 |                                                      |                                         |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |                                                     |

| STT   | Họ tên               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số giấy<br>NSH (*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-------|----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 13.05 | Nguyễn Văn<br>Chức   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 13.06 | Trần Thị Thu<br>Thảo |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 13.07 | Nguyễn Thị<br>Hiên   |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 13.08 | Nguyễn Thị<br>Yến    |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |
| 13.09 | Trần Thị<br>Thu Hồng |                                                      |                                       |                    |                      |         |                 |                                     |                                        |         |

**Appendix V**

**CORPORATE GOVERNANCE REPORT**

*(Promulgated together with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**BEN THANH RUBBER  
JOINT STOCK COMPANY**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

No: 21 /BC-HĐQT

*Ho Chi Minh City, July 20, 2026*

**REPORT  
Corporate Governance  
The first 6 months of 2026**

Dear:

- State Securities Commission;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên công ty: BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: *Lot B3-1, Northwest Cu Chi Industrial Park, Giap Hai Street (D3), Nhuan Duc Commune, Ho Chi Minh City*
- Phone: 0283 7907619 Fax: 0283 7907461 Email: berubco@berubco.com.vn
- Charter capital :123.749.970.000 đồng
- Stock code: BRC
- Corporate Governance Model:  
General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board and General Director.
- Regarding the implementation of the internal audit function: Implemented

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders**

Information on meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders:

| No | Resolution No. / Decision                                                     | Date      | Contents                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 21/NQ-ĐHĐCĐ | 17/6/2026 | Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2026 approved:<br>1. Report on production and business results in 2025 and production and business plan in 2026;<br>2. Report on the activities of the Board of Directors in 2025 and orientation for 2026;<br>2025 Independent Member of the Board Report; |

| No | Resolution No. / Decision | Date | Contents                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|---------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                           |      | 3. Report on the activities of the Supervisory Board in 2025 and orientation for 2026.<br>4. Audited 2025 Financial Statements;<br>5. Profit distribution in 2025;<br>6. Production and business plan and development investment, profit distribution plan in 2026;<br>7. Remuneration payment for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025 and the remuneration plan in 2026;<br>8. Selection of auditors for financial statements in 2026;<br>9. Dismissal of members of the Board of Directors for the term 2022-2027;<br>10. Number and list of candidates for additional election to the Board of Directors for the 2022-2027 term. |

## II. Board of Directors (Semi-Annual Report 2026):

### 1. Information about members of the Board of Directors (BOD):

| No. | Member of the Board of Directors | Position (independent member of the Board of Directors, non-executive member of the Board of Directors) | Start date/no longer a member of the Board of Directors/ Independent Board of Directors |                   |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|     |                                  |                                                                                                         | Appointment Date                                                                        | Date of dismissal |
| 1.  | Nguyen Minh Doan                 | Chairman of the Board of Directors                                                                      | 28/10/2024                                                                              | 17/6/2026         |
| 2.  | Tran Quang Hoa                   | Chairman of the Board of Directors                                                                      | 17/6/2026                                                                               | New appointments  |
| 3.  | Nguyen Tran Nghiem Vu            | Member of the Board of Directors cum General Director                                                   | 21/04/2017                                                                              |                   |
| 4.  | Nguyen Viet Ha                   | Non-executive members of the Board of Directors                                                         | 29/05/2020                                                                              |                   |
| 5.  | Nguyen Nho Luong                 | Non-executive members of the Board of Directors                                                         | 20/06/2024                                                                              |                   |
| 6.  | Van Trong Long                   | Member of the Board of Directors Independence                                                           | 28/06/2022                                                                              |                   |

### 2. Board of Directors Meetings:

| No | Member of the Board of Directors | Number of meetings attended by the Board of Directors | Meeting Attendance Rate | Reasons for not attending the meeting |
|----|----------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| 1. | Nguyen Minh Doan                 | 2/2                                                   | 100%                    |                                       |
| 2. | Nguyen Tran Nghiem Vu            | 2/2                                                   | 100%                    |                                       |
| 3. | Nguyen Viet Ha                   | 2/2                                                   | 100%                    |                                       |
| 4. | Nguyen Nho Luong                 | 2/2                                                   | 100%                    |                                       |
| 5. | Van Trong Long                   | 2/2                                                   | 100%                    |                                       |

3. Supervisory activities of the Board of Directors over the Board of Directors:

- Supervision activities are carried out by members of the Board of Directors in accordance with the company's regulations and charter.

- Promptly direct the resolution of difficulties and obstacles in the management and administration of the company's General Director.

- Regularly evaluate the performance of the General Director on the results of the implementation of assigned tasks.

- The company's Board of Directors implements production, business and investment activities in accordance with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, resolutions and directions of the Board of Directors.

- The General Director is proactive in developing and proposing key issues to the Board of Directors for consideration and decision.

- The company's General Director has completed the financial statements for 2026 in a timely and accurate manner.

4. Activities of subcommittees of the Board of Directors (if any):

The company does not establish subcommittees under the Board of Directors.

5. Board Resolutions/Decisions (Semi-Annual Report 2026):

| No | Number of Resolutions/Decisions | Date       | Contents                                          | Pass Rate |
|----|---------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-----------|
| 1. | 01/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager | 100%      |
| 2. | 02/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager | 100%      |
| 3. | 03/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager | 100%      |
| 4. | 04/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager | 100%      |

| No  | Number of Resolutions/Decisions | Date       | Contents                                                                                                                                                                    | Pass Rate |
|-----|---------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5.  | 05/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager                                                                                                                           | 100%      |
| 6.  | 06/QĐ-HĐQT                      | 14/01/2026 | Decision on salary adjustment for Company Manager                                                                                                                           | 100%      |
| 7.  | 07/NQ-HĐQT                      | 06/3/2026  | Resolution of the Board of Directors in the fourth quarter of 2025                                                                                                          | 100%      |
| 8.  | 08/QĐ-HĐQT                      | 12/3/2026  | Decision on approving the salary and remuneration fund to be implemented in 2025 of the Board Members and Controllers of the Company                                        | 100%      |
| 9.  | 09/QĐ-HĐQT                      | 12/3/2026  | Decision on approving the salary fund to be implemented in 2025 of Ben Thanh Rubber Joint Stock Company                                                                     | 100%      |
| 10. | 10/QĐ-HĐQT                      | 12/3/2026  | Decision to promulgate the Payroll of the Company's Board of Directors                                                                                                      | 100%      |
| 11. | 11/QĐ-HĐQT                      | 12/3/2026  | Decision on promulgation of the Salary Table of Members of the Board and Controllers of the Company                                                                         | 100%      |
| 12. | 12/QĐ-HĐQT                      | 20/3/2026  | Decision on approving the salary unit price in 2026                                                                                                                         | 100%      |
| 13. | 13/QĐ-HĐQT                      | 20/3/2026  | Decision on approving the salary fund of Council Members and Controllers in 2026                                                                                            | 100%      |
| 14. | 14/NQ-HĐQT                      | 03/4/2025  | Resolution on the organization of the Annual General Meeting of Shareholders in 2026                                                                                        | 100%      |
| 15. | 15/QĐ-HĐQT                      | 03/4/2026  | Decision to promulgate the Regulation on procurement in production and business activities and maintenance of regular operations of Ben Thanh Rubber Joint Stock Company    | 100%      |
| 16. | 16/NQ-HĐQT                      | 28/4/2026  | Resolution to agree on the policy of resignation and appointment as the Group's capital representative for the leaders and managers of Ben Thanh Rubber Joint Stock Company | 100%      |
| 17. | 17/NQ-HĐQT                      | 04/5/2026  | Resolution on supplementing the policy and signing transaction contracts between Ben Thanh Rubber                                                                           | 100%      |

| No  | Number of Resolutions/Decisions | Date      | Contents                                                                                                                     | Pass Rate |
|-----|---------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     |                                 |           | Joint Stock Company and "Related Persons" in 2026                                                                            |           |
| 18. | 18/NQ-HĐQT                      | 07/5/2026 | Resolution on choosing the date to hold the Annual General Meeting of Shareholders in 2026                                   | 100%      |
| 19. | 19/NQ-HĐQT                      | 27/5/2026 | Resolution on cadre work                                                                                                     | 100%      |
| 20. | 20/NQ-HĐQT                      | 27/5/2026 | Resolution of the Board of Directors in the first quarter of 2026                                                            | 100%      |
| 21. | 22/NQ-HĐQT                      | 17/6/2026 | Resolution on electing the Chairman of the Board of Directors of Ben Thanh Rubber Joint Stock Company for the term 2022-2027 | 100%      |
| 22. | 23/QĐ-HĐQT                      | 29/6/2026 | Decision on the selection of the auditor in 2026                                                                             | 100%      |

### III. Supervisory Board (Semi-Annual Report 2026):

#### 1. Information about members of the Supervisory Board (Supervisory Board):

| No | Member of the Supervisory Board | Position                        | Date of start/no longer being a member of the Board of Directors | Qualifications         |
|----|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1. | Nguyen Quoc Vuong               | Head of the Supervisory Board   | 28/10/2024                                                       | Bachelor of Finance    |
| 2. | Luong Thi Anh Nguyet            | Member of the Supervisory Board | 21/04/2017                                                       | Bachelor of Accounting |
| 3. | Tran Nguyen Huy Hung            | Member of the Supervisory Board | 01/04/2019                                                       | Bachelor of Accounting |

#### 2. Meeting of the Supervisory Board

| No | Member of the Supervisory Board | Number of meetings attended | Meeting Attendance Rate | Voting Rate | Reasons for not attending the meeting |
|----|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------------------------------------|
| 1  | Nguyen Quoc Vuong               | 2/2                         | 100%                    | 100%        |                                       |
| 2  | Luong Thi Anh Nguyet            | 2/2                         | 100%                    | 100%        |                                       |
| 3  | Tran Nguyen Huy Hung            | 2/2                         | 100%                    | 100%        |                                       |

#### 3. Supervisory activities of the Supervisory Board of Directors, the Board of Directors and shareholders:

- The Supervisory Board implements and strictly implements the supervision and inspection of the compliance with the Company's Charter, the implementation of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Resolutions of the Board of Directors.

- Inspect and supervise according to the set plan, supervise the organization of production and business activities and financial management of the Company, reflect the results achieved as well as the contents that need to be noted, overcome and improve in the operation and management of the Company, the reports of the Supervisory Board are sent to the Board of Directors and the Board of Directors of the Company.

- Reviewing and appraising the Company's quarterly, 6-month and annual financial statements to contribute to limiting errors in the organization, implementation of accounting, statistics and preparation of financial statements, complying with the requirements of legality, reasonableness, honesty and prudence.

4. The coordination of activities between the Supervisory Board and the Board of Directors, the Executive Management Board, and other management personnel.:

The Supervisory Board is always facilitated by the Board of Directors and the Executive Management Board in performing their functions and tasks. Specifically, the Supervisory Board was invited to attend meetings of the Board of Directors, monthly briefings of the Board of Directors and related departments, participated in opinions according to functions and tasks related to production activities, financial activities, sales policies and debt recovery, etc. in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders, the Company's Charter, the provisions of law and ensuring the interests of the Company.

5. Other activities of the Supervisory Board: none.

#### **IV. Board of Directors**

| <b>No</b> | <b>Member of the Board of Directors</b> | <b>Date of birth</b> | <b>Qualifications</b>               | <b>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Directors</b> |
|-----------|-----------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1.        | Nguyen Tran Nghiem Vu                   | 08/12/1967           | Machine Design Engineer             | 01/11/2016                                                                |
| 2.        | Huynh Anh Tuan                          | 02/10/1974           | Bachelor of Business Administration | 01/07/2020                                                                |
| 3.        | Huynh Van The                           | 22/12/1977           | Chemical Technology Engineer        | 01/10/2024                                                                |

#### **V. Chief Accountant**

| <b>Full name</b> | <b>Date of birth</b> | <b>Professional qualifications</b> | <b>Appointment/Dismissal Date</b> |
|------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| Duong Hoai Trinh | 30/12/1980           | Bachelor of Accounting             | 28/10/2024                        |

## **VI. Corporate Governance Training:**

Training courses on corporate governance that members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, Executive Director (General Director), other managers and the Company Secretary have participated in in accordance with the regulations on corporate governance: none

## **VII. List of related persons of the public company (Semi-annual Report 2026) and transactions of related persons of the company with the Company itself**

1. List of company stakeholders: *(enclosed)*

| No   | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)   | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason                                         | Relationship with insiders |
|------|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|
| 1    | Tran Quang Hoa                   |                                     | Chairman of the Board of Directors |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         | Election of Chairman of the Board of Directors |                            |
| 1.01 | Le Thi Khoi                      |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Mother-in-law              |
| 1.02 | Nguyen Thi Ai Nghia              |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Wife                       |
| 1.03 | Tran Vinh Quang                  |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | First child (twins)        |
| 1.04 | Tran Quang Vinh                  |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | First child (twins)        |
| 1.05 | Tran Tuan Kiet                   |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Second Child               |
| 1.06 | Tran Nguyen Quang Huy            |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Brother                    |
| 1.07 | Nguyen Thi Huong                 |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Sister-in-law              |
| 1.08 | Tran Thi Kim Hoang               |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Sister                     |
| 1.09 | Tran Quang Han                   |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Brother                    |
| 1.10 | Ta Thi Ngoc Han                  |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Sister-in-law              |
| 1.11 | Tran Quang Hoan                  |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Brother                    |
| 1.12 | Nguyen Thi Ut                    |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Sister-in-law              |
| 1.13 | Tran Thi Dieu Hien               |                                     |                                    |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                                                | Siblings                   |

| No   | Name of organization /individual                  | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)          | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason           | Relationship with insiders                                                                           |
|------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.14 | Luong Xuan Tung                                   |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Brother-in-law                                                                                       |
| 1.15 | Tran Bui Quang Thanh                              |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Father (lost)                                                                                        |
| 1.16 | Nguyen Thi Dao                                    |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Mother (lost)                                                                                        |
| 1.17 | Nguyen Sau                                        |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Father-in-law (lost)                                                                                 |
| 1.18 | Geruco - Song Con Hydro Power Joint Stock Company |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Mr. Tran Quang Hoa - Representative of the capital of Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company |
| 1.19 | Bao Loc VRG Joint Stock Company                   |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Mr. Tran Quang Hoa - Representative of the capital of Bao Loc VRG Joint Stock Company                |
| 1.2  | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company         |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      | 17/6/2026                                            |                                         |                  | Mr. Tran Quang Hoa - Representative of the capital of the Vietnam Rubber Group Joint Stock Company   |
| 2    | <b>Nguyen Minh Doan</b>                           |                                     | <b>Chairman of the Board of Directors</b> |                     |                         |                |                                      |                                                      | <b>17/6/2026</b>                        | <b>Dismissal</b> |                                                                                                      |
| 2.01 | Huynh Thi Tu Ai                                   |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |                  | Wife                                                                                                 |
| 2.02 | Nguyen Huynh Minh Nhut                            |                                     |                                           |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |                  | Biological children                                                                                  |

| No   | Name of organization /individual          | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)                    | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                                        |
|------|-------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.03 | Nguyen Huynh Minh Quan                    |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Biological children                                                                               |
| 2.04 | Nguyen Minh Khang                         |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Brother                                                                                           |
| 2.05 | Nguyen Thi Mi Khanh                       |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Sister                                                                                            |
| 2.06 | Nguyen Thi Mai Thao                       |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Siblings                                                                                          |
| 2.07 | Nguyen Thi Ngoc Dan                       |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Siblings                                                                                          |
| 2.08 | Nguyen Thi Mi Trang                       |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Siblings                                                                                          |
| 2.09 | Nguyen Minh Dai                           |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Siblings                                                                                          |
| 2.10 | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      | 17/6/2026                               |        | Mr. Nguyen Minh Doan - Representative of the capital of Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company |
| 3    | Nguyen Tran Nghiem Vu                     |                                     | Member of the board of directors – General Director |                     |                         |                |                                      | 01/01/2020                                           |                                         |        |                                                                                                   |
| 3.01 | Tran Thi Duyen                            |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                                            |
| 3.02 | Nguyen Ngoc Lan                           |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                                                                                              |
| 3.03 | Nguyen Gia Phong                          |                                     |                                                     |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                               |

| No   | Name of organization /individual              | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                                                                  |
|------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.04 | Nguyen Thi Cao Tam                            |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Daughter-in-law                                                                                                             |
| 3.05 | Nguyen Tran Linh                              |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                                                                                                                      |
| 3.06 | Nguyen Tran Luat                              |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother                                                                                                                     |
| 3.07 | Nguyen Kim Thien                              |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law                                                                                                              |
| 3.08 | Nguyen Thi Tran Khanh                         |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                                                                                                                      |
| 3.09 | Nguyen Trong Khoi                             |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law                                                                                                              |
| 3.10 | Nguyen Thi Minh Yen                           |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law                                                                                                               |
| 3.11 | Nguyen Doan Song                              |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law                                                                                                               |
| 3.12 | Nguyen Ngoc Mai                               |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                                                               |
| 3.13 | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company     |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mr. Nguyen Tran Nghiem Vu – Capital Representative of the Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company                         |
| 3.14 | V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mr. Nguyen Tran Nghiem Vu – Non-executive member of the Board of Directors of V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |

| No   | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)                       | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders |
|------|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|----------------------------|
| 4    | <b>Van Trong Long</b>            |                                     | <b>Member of the Board of Directors Independence</b>   |                     |                         |                |                                      | 28/06/2022                                           |                                         |        |                            |
| 4.01 | Nguyen Xuan Ly                   |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                       |
| 4.02 | Văn Nguyễn Duy Anh               |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| 4.03 | Van Nguyen Viet Anh              |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| 4.04 | Dang Thi Cuc                     |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                     |
| 4.05 | Van Thi Lan                      |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 4.06 | Van Thi Hue                      |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 4.07 | Le Van Qua                       |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 4.08 | Nguyen Quang Truong              |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 4.09 | Vu Thi Hien                      |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law              |
| 4.10 | Tran Thi Con                     |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law              |
| 5    | <b>Nguyen Viet Ha</b>            |                                     | <b>Non-executive members of the Board of Directors</b> |                     |                         |                |                                      | 29/05/2020                                           |                                         |        |                            |
| 5.01 | Nguyen Van Moi                   |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                     |
| 5.02 | Do Phuong Tram                   |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                       |
| 5.03 | Nguyen Do Khiet Tam              |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |

| No          | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)                       | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                     |
|-------------|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 5.04        | Nguyen Viet Son                  |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                                                                       |
| 5.05        | Do Quy Mui                       |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law                                                                  |
| 5.06        | Huynh Hong Diep                  |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                  |
| 5.07        | Nguyen Thi Be Thi                |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law                                                                  |
| 5.08        | SaiGon Industry Corporation      |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mr. Nguyen Viet Ha – Capital Representative of the SaiGon Industry Corporation |
| <b>6</b>    | <b>Nguyen Nho Luong</b>          |                                     | <b>Non-executive members of the Board of Directors</b> |                     |                         |                |                                      | <b>20/06/2024</b>                                    |                                         |        |                                                                                |
| <b>6.01</b> | Nguyen Quoc Khanh                |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                                                                         |
| <b>6.02</b> | Nguyen Thi Phu                   |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                         |
| <b>6.03</b> | Nguyen Minh Nguyen               |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                                                                           |
| <b>6.04</b> | Nguyen Phuc Minh                 |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                            |
| <b>6.05</b> | Nguyen Minh Khue                 |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                            |
| <b>6.06</b> | Nguyen Xuan Lam                  |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                                                                       |
| <b>6.07</b> | Nguyen Thi Ly                    |                                     |                                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                                                                       |

| No   | Name of organization /individual         | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                                |
|------|------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.08 | Nguyen Van Duc                           |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law                                                                             |
| 6.09 | Lu Thi Be                                |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                             |
| 6.10 | Nguyen Thi Van                           |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law                                                                             |
| 6.11 | Le Dinh Cuong                            |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law                                                                            |
| 6.12 | VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company |                                     |                                  | 0                   |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mr. Nguyen Nho Luong – Capital representative of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company |
| 7    | <b>Huynh Anh Tuan</b>                    |                                     | <b>Deputy General Director</b>   |                     |                         |                |                                      | <b>01/07/2020</b>                                    |                                         |        |                                                                                           |
| 7.01 | Huynh Binh                               |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                                                                                    |
| 7.02 | Do Thi Xuan Thu                          |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                                    |
| 7.03 | Vo Thi Kieu Oanh                         |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                                                                                      |
| 7.04 | Huynh Cong Thanh                         |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                       |
| 7.05 | Huynh Cong Thanh                         |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                       |
| 7.06 | Huynh Ngoc Mai                           |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                       |

| No       | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders |
|----------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|----------------------------|
| 7.07     | Huynh Xuan Thao                  |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 7.08     | Huynh Le Nhan                    |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| <b>8</b> | <b>Huynh Van The</b>             |                                     | <b>Deputy General Director</b>   |                     |                         |                |                                      | <b>01/10/2024</b>                                    |                                         |        |                            |
| 8.01     | Thai Thi Phuong Ngan             |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                       |
| 8.02     | Huynh Thai Bao                   |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| 8.03     | Huynh Van Song                   |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother                    |
| 8.04     | Huynh Thi Thu                    |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 8.05     | Huynh Van Xep                    |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother                    |
| 8.06     | Huynh Thi Ly                     |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 8.07     | Huynh Thi The                    |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 8.08     | Huynh Thi Hoa                    |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                   |
| 8.09     | Nguyen Thi Phuoc                 |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law              |
| 8.10     | Tran Van Ty                      |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 8.11     | Dinh Thi Thanh Phuong            |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law              |
| 8.12     | Nguyen Van Nhe                   |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 8.13     | Vo Van Luan                      |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 8.14     | Thai Gian Long                   |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law              |

| No        | Name of organization /individual              | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)     | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                                              |
|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.15      | Phan Thi Phuoc                                |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                                           |
| <b>9</b>  | <b>Duong Hoai Trinh</b>                       |                                     | <b>Chief Accountant</b>              |                     |                         |                |                                      | <b>28/10/2024</b>                                    |                                         |        |                                                                                                         |
| 9.01      | Duong Van Hoai                                |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                                                                                                  |
| 9.02      | Phung Thi Bay                                 |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                                                  |
| 9.03      | Duong Hoai Huong                              |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                                                                                                  |
| 9.04      | Pham Dang Khoa                                |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law                                                                                          |
| 9.05      | Duong Hoai Bao                                |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                                                                                                |
| 9.06      | Nguyen Khai Ca                                |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                                     |
| 9.07      | V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Ms. Duong Hoai Trinh – Member of The Supervisory Board of V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |
| <b>10</b> | <b>Nguyen Quoc Vuong</b>                      |                                     | <b>Head of the Supervisory Board</b> |                     |                         |                |                                      | <b>28/10/2024</b>                                    |                                         |        |                                                                                                         |
| 10.01     | Nguyen Tuyen Huan                             |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                                                                                                  |
| 10.02     | Võ Thị Thanh                                  |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                                                  |
| 10.03     | Nguyen Thi Thu Hien                           |                                     |                                      |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                                                                                                  |

| No        | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)       | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders |
|-----------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|----------------------------|
| 10.04     | Pham Duy Nhat                    |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |
| 10.05     | Le Van An                        |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law              |
| 10.06     | Nguyen Thi Son                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law              |
| 10.07     | Le Thi Tuong Vi                  |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                       |
| 10.08     | Nguyen Quoc Cuong                |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| <b>11</b> | <b>Luong Thi Anh Nguyet</b>      |                                     | <b>Member of the Supervisory Board</b> |                     |                         |                |                                      | <b>01/01/2020</b>                                    |                                         |        |                            |
| 11.01     | Nguyen Duc Cuong                 |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Husband                    |
| 11.02     | Nguyen Duc Hoang Long            |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| 11.03     | Nguyen Duc Hoang Phuc            |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children        |
| 11.04     | Luong Chi Vinh                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father                     |
| 11.05     | Le Thi Le Hang                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                     |
| 11.06     | Luong Thi Nguyet Anh             |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                   |
| 11.07     | Luong Anh Duong                  |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                   |
| 11.08     | Ngo Thi Thuy Linh                |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law              |
| 11.09     | Mai Le Ngoc Vinh                 |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother-in-law             |

| No        | Name of organization /individual                  | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)       | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders                                                                |
|-----------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11.10     | Le Ngoc An                                        |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Father-in-law                                                                             |
| 11.11     | Le Thi Le Lieu                                    |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                             |
| 11.12     | FRIENDSHIP TRADING-INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Ms. Luong Thi Anh Nguyet – Non-executive member of Friendship Trading-Joint Stock Company |
| <b>12</b> | <b>Tran Nguyen Huy Hung</b>                       |                                     | <b>Member of the Supervisory Board</b> |                     |                         |                |                                      | <b>01/01/2020</b>                                    |                                         |        |                                                                                           |
| 12.01     | Nguyen Truc Anh                                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Wife                                                                                      |
| 12.02     | Tran Nguyen Truc Quynh                            |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                       |
| 12.03     | Tran Hung Minh                                    |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Biological children                                                                       |
| 12.04     | Pham Thi Ngoc Mai                                 |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law                                                                             |
| <b>13</b> | <b>Nguyen Thi Thao</b>                            |                                     | <b>Corporate Governance Officer</b>    |                     |                         |                |                                      | <b>01/01/2020</b>                                    |                                         |        |                                                                                           |
| 13.01     | Nguyen Thi Cung                                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother                                                                                    |
| 13.02     | Luong Quoc Hoan                                   |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Husband                                                                                   |
| 13.03     | Luong Nguyen Anh Minh                             |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Children                                                                                  |
| 13.04     | Luong Nguyen                                      |                                     |                                        |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Children                                                                                  |

| No    | Name of organization /individual | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number *, | Date of issuance of NSH | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | The start time is the relevant person of the company | The time is no longer a relevant person | Reason | Relationship with insiders |
|-------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|----------------------------|
|       | Anh Chau                         |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        |                            |
| 13.05 | Nguyen Van Chuc                  |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Brother                    |
| 13.06 | Tran Thi Thu Thao                |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister-in-law              |
| 13.07 | Nguyen Thi Hien                  |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Sister                     |
| 13.08 | Nguyen Thi Yen                   |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Siblings                   |
| 13.09 | Tran Thi Thu Hong                |                                     |                                  |                     |                         |                |                                      |                                                      |                                         |        | Mother-in-law              |

*Note: NSH Certificate number\*: ID card/Passport number (for individuals) or Business Registration Certificate Number, Operation License or equivalent legal documents (for organizations).*

2. Transactions between the company and its related persons; or between the company and major shareholders, internal persons, related persons of internal persons:

| No           | Name of organization/individual              | Relationship with the company | NSH License Number*, date of issue, place of issue | Head Office Address/Contact Address                                       | Time of transaction with the company | Number of Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders/Board of Directors... Through | Contents, quantity, total value of transactions (Tax included) | Notes |
|--------------|----------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------|
| 1            | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company    | Strategic shareholders        | 0301266564                                         | 236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City                    | Year 2026                            | 608/NQ-HĐQT dated 14/11/2025                                                                         | Buy goods 15.851.105.550 VND                                   |       |
| 1.01         | MDF VRG - Quang Tri Wood Joint Stock Company | Relevant Organizations        | 3200228141                                         | Quan Ngang Industrial Park, Gio Linh Commune, Quang Tri Province, Vietnam | Year 2026                            | 608/NQ-HĐQT dated 14/11/2025                                                                         | Sell goods and services 16.200.000 VND                         |       |
| 1.02         | Rubber Engineering Joint Stock Company       | Relevant Organizations        | 0300693348                                         | 12 HT 25 Street, Tan Thoi Hiep Ward, Ho Chi Minh City.                    | Year 2026                            | 17/NQ-HĐQT dated 04/05/2026                                                                          | Sell goods and services 88.446.600 VND                         |       |
| 2            | CNS AMURA PRECISION CO., LTD.                | Relevant Organizations        | 0311978881                                         | Lot I-10-1, D2 Street, Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City | Year 2026                            | 17/NQ-HĐQT dated 04/05/2026                                                                          | Sell goods and services 38.745.000 VND                         |       |
| 3            | VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company     | Major shareholders            | 0301446422                                         | 604 Vo Van Kiet, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City                      | Year 2026                            | 608/NQ-HĐQT ngày 14/11/2025                                                                          | Sell goods and services 9.069.179.580 VND                      |       |
| <b>Total</b> |                                              |                               |                                                    |                                                                           |                                      |                                                                                                      | <b>25.063.676.730</b>                                          |       |

**(Bằng chữ: Twenty-five billion, zero hundred and sixty-three million, six hundred and seventy-six thousand, seven hundred and thirty dong)**

*Note: NSH number\*: ID card/ Passport number (for individuals) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal documents (for organizations).*

3. Transactions between internal persons of the company, related persons of internal persons and subsidiaries or companies under the control of the company: none.

4. Transactions between the company and other entities.

4.1. Transactions between companies and companies in which members of the Board of Directors, members of the Control Board, Director (General Director) and other managers have been founding members or members of the Board of Directors, Director (General Director) in the past three (03) years (counting at the time of making the report): None.

4.2. Company-to-company transactions run by related persons of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, Director (General Director) and other managers who are members of the Board of Directors, Director (General Director): none.

4.3. Other transactions of the company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, Director (General Director) and other managers: none.

#### **VIII. Trading of shares of insiders and related persons of insiders (Semi-annual report 2026)**

1. List of internal people and related persons of the company's internal people (attached)

2. Transactions of insiders and related persons on the company's shares:

**IX. Other issues to note: none**

#### **Recipients:**

- State Securities Commission;
- Hose;
- Save: VT.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF  
DIRECTORS  
CHAIRMAN**



**Tran Quang Hoa**



## LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS

[illegible]

| No   | Name                                              | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                 |
|------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.09 | Tran Quang Han                                    |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.10 | Ta Thi Ngoc Han                                   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.11 | Tran Quang Hoan                                   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.12 | Nguyen Thi Ut                                     |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.13 | Tran Thi Dieu Hien                                |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.14 | Luong Xuan Tung                                   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                       |
| 1.15 | Tran Bui Quang Thanh                              |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Lost                                  |
| 1.16 | Nguyen Thi Dao                                    |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Lost                                  |
| 1.17 | Nguyen Sau                                        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Lost                                  |
| 1.18 | Geruco - Song Con Hydro Power Joint Stock Company |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Company related to Mr. Tran Quang Hoa |
| 1.19 | Bao Loc VRG Joint Stock Company                   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Company related to Mr. Tran Quang Hoa |
| 1.20 | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company         |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      | 6.054.658                                       | 48,85%                                      | Strategic shareholders                |

| No   | Name                                      | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)          | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                              |
|------|-------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 2    | <b>Nguyen Minh Doan</b>                   |                                     | <b>Chairman of the Board of Directors</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>Dismissal</b>                                   |
| 2.01 | Huynh Thi Tu Ai                           |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.02 | Nguyen Huynh Minh Nhut                    |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.03 | Nguyen Huynh Minh Quan                    |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.04 | Nguyen Minh Khang                         |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.05 | Nguyen Thi Mi Khanh                       |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.06 | Nguyen Thi Mai Thao                       |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.07 | Nguyen Thi Ngoc Dan                       |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.08 | Nguyen Thi Mi Trang                       |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.09 | Nguyen Minh Dai                           |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                    |
| 2.10 | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company |                                     |                                           |                      |                                     |                |                                      | 6.054.658                                       | 48,85%                                      | Strategic shareholders                             |
| 3    | <b>Nguyen Tran Nghiem Vu</b>              |                                     | <b>Member of the Board of Directors –</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>Representative of 15% capital equivalent to</b> |

| No   | Name                  | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                                                |
|------|-----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|      |                       |                                     | <b>General Director</b>          |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>1,856,250 shares of Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company</b> |
| 3.01 | Tran Thi Duyen        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.02 | Nguyen Ngoc Lan       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.03 | Nguyen Gia Phong      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.04 | Nguyen Thi Cao Tam    |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.05 | Nguyen Tran Linh      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.06 | Nguyen Tran Luat      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.07 | Nguyen Kim Thien      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.08 | Nguyen Thi Tran Khanh |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.09 | Nguyen Trong Khoi     |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.10 | Nguyen Thi Minh Yen   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.11 | Nguyen Doan Song      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |
| 3.12 | Nguyen Ngoc Mai       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                      |

| No       | Name                                          | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)                     | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                        |
|----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 3.13     | Viet Nam Rubber Group Joint Stock Company     |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      | 6.054.658                                       | 48.85%                                      | Strategic shareholders                       |
| 3.14     | V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      | 0                                               | 0%                                          | Company related to Mr. Nguyen Tran Nghiem Vu |
| <b>4</b> | <b>Van Trong Long</b>                         |                                     | <b>Member of the Board of Directors Independence</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>Independent Members</b>                   |
| 4.01     | Nguyen Xuan Ly                                |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.02     | Van Nguyen Duy Anh                            |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.03     | Van Nguyen Viet Anh                           |                                     |                                                      |                      |                                     |                | .                                    |                                                 |                                             |                                              |
| 4.04     | Dang Thi Cuc                                  |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.05     | Van Thi Lan                                   |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.06     | Van Thi Hue                                   |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.07     | Le Van Qua                                    |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.08     | Nguyen Quang Truong                           |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.09     | Vu Thi Hien                                   |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |
| 4.10     | Tran Thi Con                                  |                                     |                                                      |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                              |

| No   | Name                        | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)                       | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                                                                                              |
|------|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5    | <b>Nguyen Viet Ha</b>       |                                     | <b>Non-executive members of the Board of Directors</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>Capital representation of 19.86% equivalent to 2,457,578 shares of SaiGon Industry Corporation</b>              |
| 5.01 | Nguyen Van Moi              |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.02 | Do Phuong Tram              |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.03 | Nguyen Do Khiết Tam         |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.04 | Nguyen Viet Son             |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.05 | Do Quy Mui                  |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.06 | Huynh Hong Diep             |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.07 | Nguyen Thi Be Thi           |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                                                                                                    |
| 5.08 | SaiGon Industry Corporation |                                     |                                                        |                      |                                     |                |                                      | 2.457.578                                       | 19,86%                                      | State shareholders                                                                                                 |
| 6    | <b>Nguyen Nho Luong</b>     |                                     | <b>Non-executive members of the Board of Directors</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | <b>Capital representative of 18.67% equivalent to 2,310,000 shares of VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company</b> |

| No   | Name                                     | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes              |
|------|------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|
| 6.01 | Nguyen Quoc Khanh                        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.02 | Nguyen Thi Phu                           |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.03 | Nguyen Minh Nguyen                       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.04 | Nguyen Phuc Minh                         |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.05 | Nguyen Minh Khue                         |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.06 | Nguyen Xuan Lam                          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.07 | Nguyen Thi Ly                            |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.08 | Nguyen Van Chuc                          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.09 | Lu Thi Be                                |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.10 | Nguyen Thi Van                           |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.11 | Le Dinh Cuong                            |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 6.12 | VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      | 2.310.000                                       | 18,67%                                      | Major shareholders |
| 7    | <b>Huynh Anh Tuan</b>                    |                                     | <b>Deputy General Director</b>   |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |
| 7.01 | Huynh Binh                               |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                    |

| No       | Name                 | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes       |
|----------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
| 7.02     | Do Thi Xuan Thu      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 7.03     | Võ Thị Kiều Oanh     |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 7.04     | Huynh Cong Thanh     |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 7.05     | Huynh Cong Thanh     |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Still Young |
| 7.06     | Huynh Ngoc Mai       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Still young |
| 7.07     | Huynh Xuan Thao      |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 7.08     | Huynh Le Nhan        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| <b>8</b> | <b>Huynh Van The</b> | <b>Company</b>                      | <b>Deputy General Director</b>   |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.01     | Thai Thi Phuong Ngan |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.02     | Huynh Thai Bao       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.03     | Huynh Van Song       |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.04     | Huynh Thi Thu        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.05     | Huynh Van Xep        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.06     | Huynh Thi Ly         |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 8.07     | Huynh Thi The        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |

| No       | Name                    | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes |
|----------|-------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------|
| 8.08     | Huynh Thi Hoa           |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.09     | Nguyen Thi Phuoc        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.10     | Tran Van Ty             |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.11     | Dinh Thi Thanh Phuong   |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.12     | Nguyen Van Nhe          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.13     | Vo Van Luan             |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.14     | Thai Gian Long          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 8.15     | Phan Thi Phuoc          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| <b>9</b> | <b>Duong Hoai Trinh</b> |                                     | <b>Chief Accountant</b>          |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.01     | Duong Van Hoai          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.02     | Phung Thi Bay           |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.03     | Duong Hoai Huong        |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.04     | Pham Dang Khoa          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.05     | Duong Hoai Bao          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |
| 9.06     | Nguyen Khai Ca          |                                     |                                  |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |       |

| No    | Name                                          | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)       | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                   |
|-------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 9.07  | V.R.G SA DO Rubber Thread Joint Stock Company |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Company related to Ms. Duong Hoai Trinh |
| 10    | <b>Nguyen Quoc Vuong</b>                      |                                     | <b>Head of the Supervisory Board</b>   |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.01 | Nguyen Tuyen Huan                             |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.02 | Vo Thi Thanh                                  |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.03 | Nguyen Thi Thu Hien                           |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.04 | Pham Duy Nhat                                 |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.05 | Le Van An                                     |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.06 | Nguyen Thi Son                                |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.07 | Le Thi Tuong Vi                               |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 10.08 | Nguyen Quoc Cuong                             |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 11    | <b>Tran Nguyen Huy Hung</b>                   |                                     | <b>Member of the Supervisory Board</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |
| 11.01 | Nguyen Truc Anh                               |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                         |

| No    | Name                        | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)       | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes       |
|-------|-----------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
| 11.02 | Tran Nguyen Truc Quynh      |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 11.03 | Tran Hung Minh              |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Still young |
| 11.04 | Pham Thi Ngoc Mai           |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12    | <b>Luong Thi Anh Nguyet</b> |                                     | <b>Member of the Supervisory Board</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.01 | Nguyen Duc Cuong            |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.02 | Nguyen Duc Hoang Long       |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.03 | Nguyen Duc Hoang Phuc       |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.04 | Luong Chi Vinh              |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.05 | Le Thi Le Hang              |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.06 | Luong Thi Nguyet Anh        |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.07 | Luong Anh Duong             |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.08 | Ngo Thi Thuy Linh           |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.09 | Mai Le Ngoc Vinh            |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |
| 12.10 | Le Ngoc An                  |                                     |                                        |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |             |

| No        | Name                                              | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)    | NSH Paper Number (*) | Date of issuance of NSH certificate | Place of Issue | Head Office Address/ Contact Address | Number of shares owned at the end of the period | Shareholding ratio at the end of the period | Notes                                       |
|-----------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 12.11     | Le Thi Le Lieu                                    |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 12.12     | FRIENDSHIP TRADING-INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             | Company related to Ms. Luong Thi Anh Nguyet |
| <b>13</b> | <b>Nguyen Thi Thao</b>                            |                                     | <b>Corporate Governance Officer</b> |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.01     | Nguyen Thi Cung                                   |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.02     | Luong Quoc Hoan                                   |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.03     | Luong Nguyen Anh Minh                             |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.04     | Luong Nguyen Anh Chau                             |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.05     | Nguyen Van Chuc                                   |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.06     | Tran Thi Thu Thao                                 |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.07     | Nguyen Thi Hien                                   |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.08     | Nguyen Thi Yen                                    |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |
| 13.09     | Tran Thi Thu Hong                                 |                                     |                                     |                      |                                     |                |                                      |                                                 |                                             |                                             |